TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT TỈNH BÌNH ĐỊNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST Ngày: 29/6/2023 "V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Khánh

2. Ông Nguyễn Duy Nhất

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tín, Thư ký Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Bạch Nam Chu Lai – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 04/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị K, sinh năm: 1991, địa chỉ: Thôn K8, xã VS, huyện VT, tỉnh Bình Định – Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bế Trung N, sinh năm: 1993, địa chỉ: Thôn K8, xã VS, huyện VT, tỉnh Bình Định – Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/02/2023, được bổ sung bằng lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Đinh Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bế Trung N có đăng ký kết hôn vào ngày 12/6/2012 tại UBND xã VS, huyện VT, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc; Năm 2018 có phát sinh mâu thuẫn trong gia đình nhưng tự giải quyết được. Đến năm 2019, anh N đi làm xa, lâu lâu có trở về với vợ con, nhưng tính tình thay đổi, anh N nhiều lần đề nghị ly hôn. Ban đầu chị có níu kéo, nhưng anh N không chấp nhận; Vợ chồng sống ly thân kéo dài hơn 03 năm, chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục đời

sống chung, nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn chồng là anh Bế Trung N.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung, là các cháu: Bế Thị Tường V (sinh ngày: 17/3/2023) và Bế Hoàng V1 (sinh ngày: 14/4/2015), hiện các cháu đều đang sống với chị tại thôn K8, xã VS, huyện VT, tỉnh Bình Định. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Về ý kiến giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị K, cho chị K được ly hôn anh N.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị K, giao 02 cháu V, V1 cho chị K nuôi. Chị K không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Vụ án tranh chấp về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn anh N cư trú tại huyện VT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Bình Định theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng, đủ về thủ tục tố tụng, tạo điều kiện, đảm bảo quyền của đương sự tham gia tố tụng theo quy định. Nguyên đơn chị K chấp hành nghiêm túc, đầy đủ. Riêng bị đơn anh N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh N đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ hợp pháp của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã niêm yết, thông báo, triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh N tiếp tục vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh N.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị K và anh N tự nguyện tìm hiểu, chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/6/2012 tại UBND xã VS, huyện VT, tỉnh Bình Định, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương, cho thấy: Trong thời gian sống tại thôn K8, xã VS, huyện VT, tỉnh Bình Định kể từ năm 2012 đến năm 2018, vợ chồng chị K và anh N chung sống hạnh phúc, tuy có mâu thuẫn xảy ra nhưng không đáng kể; Từ năm 2019 đến nay, do anh N đi làm xa, dù vẫn giữ liên lạc, nhưng vợ chồng sống xa cách nhau một thời gian khá dài, tình cảm phai nhạt, đôi bên bỏ mặc, không quan tâm đến nhau nữa.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án liên hệ, thông báo, triệu tập, hòa giải để các bên đương sự có điều kiện đoàn tụ với nhau, nhưng anh N không thiện chí, không hợp tác. Tại phiên tòa, chị K kiên quyết yêu cầu ly hôn anh N. Như vậy, có cơ sở chứng minh hôn nhân của chị K và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K.

[2.2]. Về con chung: Xét yêu cầu của chị K, Hội đồng xét xử xét thấy: Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung, xét nguyện vọng của 02 cháu V, V1, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị K, giao 02 con chung cho chị K nuôi. Chị K không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời đảm bảo theo luật định về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ sau khi ly hôn đối với con chung, là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị K không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3]. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 12, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị K phải chịu 300.000 đồng nhưng chị K được miễn nộp tiền án phí Tòa án do thuộc diện hộ nghèo năm 2023.

[4]. Với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Các Điều 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Các Điều 12, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị K đối với bị đơn anh Bế Trung N, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị K được ly hôn anh Bế Trung N;

- Về con chung: Giao các cháu Bế Thị Tường V (sinh ngày: 17/3/2013) và Bế Hoàng V1 (sinh ngày: 14/4/2015) cho chị K trực tiếp nuôi. Chị K không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đinh Thị K không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đinh Thị K được miễn nộp tiền án phí Tòa án do thuộc diện hộ nghèo năm 2023.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Bế Trung N không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày anh N nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện VT;
- CCTHADS huyện VT;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn; (UBND xã VS, Vĩnh Thạnh, Bình Định).
- P.KTNV và THA - TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mai Đào